

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
BẠC ĐẠI HỌC

Học phần: Ghi âm 1

Lớp: Đại học 1 (TTDS, TN)

STT	HỌ	TÊN	Chuyên ngành	Ngày sinh	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	Đàn bầu	05.10.01	8.0	8.5	8.0	Tám	
2	LÊ UYÊN	NHI	Đàn tranh	10.11.99	4.0	7.0	6.0	Sáu	
3	NGUYỄN THÀNH	KIỆT	Nhã nhạc	06.09.00	5.3	5.5	5.0	Năm	
4	NGÔ HỮU	TÂM	Nhã nhạc	12.11.99	5.7	6.0	6.0	Sáu	
5	HOÀNG LAN	ANH	Thanh nhạc	27.03.01	6.3	6.0	6.0	Sáu	
6	TRƯƠNG THỊ KIM	CHI	Thanh nhạc	29.08.01	5.3	7.5	7.0	Bảy	
7	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	Thanh nhạc	23.05.99	4.7	6.0	6.0	Sáu	
8	NGUYỄN THỊ NHẬT	HẠ	Thanh nhạc	27.05.01	9.7	10.0	10.0	Mười	
9	TRƯƠNG THỊ	HẰNG	Thanh nhạc	06.03.00	5.0	6.0	6.0	Sáu	
10	NGUYỄN VĂN	HÓA	Thanh nhạc	02.07.99	5.3	6.0	6.0	Sáu	
11	ĐẶNG	HOÀNG	Thanh nhạc	25.05.98	5.3	9.5	8.0	Tám	
12	HUỲNH THỊ KHÁNH	LINH	Thanh nhạc	11.02.01	5.3	6.5	6.0	Sáu	
13	PHAN KHÁNH	LY	Thanh nhạc	28.04.01	5.3	6.5	6.0	Sáu	
14	BÙI THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	13.11.01	5.0	8.0	7.0	Bảy	
15	TRẦN THỊ THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	30.09.01	5.0	6.5	6.0	Sáu	
16	BÙI THỊ KHÁNH	TÂN	Thanh nhạc	20.10.01	5.0	6.0	6.0	Sáu	
17	NGUYỄN ĐỨC	TOÁN	Thanh nhạc	23.05.00	7.7	9.5	9.0	Chín	
18	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH		Thanh nhạc	21.09.01	5.0	v	#####		Vắng thi
19	HOÀNG VĂN	TRƯỜNG	Thanh nhạc	17.06.01	6.3	8.0	8.0	Tám	
20	THÁI TỊNH	VÂN	Thanh nhạc	24.04.00	5.7	5.5	6.0	Sáu	
21	NGÔ HỮU NHẬT	THÀNH	Nhị		5.0	4.5	5.0	Năm	

Huế, ngày 03 tháng 02 năm 2020

CB đọc điểm

CB dò điểm

CB nhập điểm

Nguyễn Thị Hồng

Đặng Thị Thảo

Trần Mạnh Hùng

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PTP. ĐIỀU HÀNH PHÒNG

Đặng Hùng Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
BẠC ĐẠI HỌC

Học phần: Xướng âm 1

Lớp: Đại học 1 (TTDS, TN)

STT	HỌ	TÊN	Chuyên ngành	Ngày sinh	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	Đàn bầu	05.10.01	8.0	6.5	7.0	Bảy	
2	LÊ UYÊN	NHI	Đàn tranh	10.11.99	4.7	2.0	3.0	Ba	
3	NGUYỄN THÀNH	KIỆT	Nhã nhạc	06.09.00	6.0	3.0	4.0	Bốn	
4	NGÔ HỮU	TÂM	Nhã nhạc	12.11.99	5.0	1.0	2.0	Hai	
5	HOÀNG LAN	ANH	Thanh nhạc	27.03.01	7.0	6.0	6.0	Sáu	
6	TRƯƠNG THỊ KIM	CHI	Thanh nhạc	29.08.01	5.3	8.0	7.0	Bảy	
7	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	Thanh nhạc	23.05.99	5.7	5.0	5.0	Năm	
8	NGUYỄN THỊ NHẬT	HẠ	Thanh nhạc	27.05.01	10.0	8.5	9.0	Chín	
9	TRƯƠNG THỊ	HẰNG	Thanh nhạc	06.03.00	5.0	5.0	5.0	Năm	
10	NGUYỄN VĂN	HÓA	Thanh nhạc	02.07.99	6.3	6.5	6.0	Sáu	
11	ĐẶNG	HOÀNG	Thanh nhạc	25.05.98	5.3	8.0	7.0	Bảy	
12	HUỲNH THỊ KHÁNH	LINH	Thanh nhạc	11.02.01	6.0	6.0	6.0	Sáu	
13	PHAN KHÁNH	LY	Thanh nhạc	28.04.01	6.0	3.0	4.0	Bốn	
14	BÙI THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	13.11.01	5.0	5.5	5.0	Năm	
15	TRẦN THỊ THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	30.09.01	5.0	5.5	5.0	Năm	
16	BÙI THỊ KHÁNH	TÂN	Thanh nhạc	20.10.01	5.0	5.5	5.0	Năm	
17	NGUYỄN ĐỨC	TOÁN	Thanh nhạc	23.05.00	8.0	8.5	8.0	Tám	
18	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	Thanh nhạc	21.09.01	5.7	v	#####		Vắng thi
19	HOÀNG VĂN	TRƯỜNG	Thanh nhạc	17.06.01	7.0	6.5	7.0	Bảy	
20	THÁI TỊNH	VÂN	Thanh nhạc	24.04.00	5.7	5.0	5.0	Năm	

Huế, ngày 03 tháng 02 năm 2020

CB đọc điểm

CB dò điểm

CB nhập điểm

Nguyễn Thị Hồng

Đặng Thị Thảo

Trần Mạnh Hùng

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PTP. ĐIỀU HÀNH PHÒNG

Đặng Hùng Dũng



R

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
HỌC KỲ: I, NĂM HỌC 2019-2020
BẠC ĐẠI HỌC

Học phần: Ghi âm 1

Lớp: Đại học 1 (ST, PT, Pi)

STT	HỌ	TÊN	Chuyên ngành	Ngày sinh	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	Guitare	21.01.00	8.0	7.5	8.0 /	Tám	
2	TRẦN QUANG	LONG	Guitare	04.08.00	7.5	3.5	5.0 /	Năm	
3	NGUYỄN VIỆT QUANG	MINH	Guitare	04.05.91	7.0	5.0	6.0 /	Sáu	
4	TRƯƠNG DUY	NHẬT	Guitare	12.04.96	7.0	3.0	4.0 /	Bốn	
5	TRẦN DUY	PHƯƠNG	Guitare	12.08.96			/		KẾT
6	NGUYỄN CÔNG	BINH	no(nhạc n	15.07.00	9.0	8.5	9.0 /	Chín	
7	HOÀNG TRẦN	THỊNH	Piano	28.09.01	9.0	10.0	10.0 /	Mười	
8	HỒ NGỌC BẢO	UYÊN	Piano	13.03.01	7.0	3.5	5.0 /	Năm	
9	NGUYỄN KHOA TƯỜNG	VÂN	Piano	04.08.01	8.5	2.0	4.0 /	Bốn	
10	NGUYỄN QUANG	VINH	no(nhạc n	30.01.01	7.5	2.0	4.0 /	Bốn	
11	NGUYỄN NHẬT THẢO	VY	Piano	19.08.00	9.0	10.0	10.0 /	Mười	
12	NGUYỄN ĐÌNH NAM	Ý	Piano	23.04.00	9.0	6.5	7.0 /	Bảy	
13	BÙI NGUYỄN QUANG	YÊN	Piano	22.02.94	8.0	6.5	7.0 /	Bảy	
14	LÊ VĂN KHÁNH	HƯNG	Sáng tác	02.06.01	8.0	7.0	7.0 /	Bảy	
15	TRẦN DƯƠNG THÁI	NGUYỄN	Sáng tác	21.09.01	8.5	4.0	5.0 /	Năm	
16	PHẠM TRUNG	THÀNH	Sáng tác	30.09.01	8.0	3.0	5.0 /	Năm	
17	VÕ CÔNG	TÍN	Sáng tác	15.03.99	8.0	2.0	4.0 /	Bốn	
18	NGUYỄN GIA	THỊNH	Sáng tác	26.09.96	8.0	8.0	8.0 /	Tám	
19	NGUYỄN ANH	THU'	Sáng tác	06.06.01	8.0	2.0	4.0 /	Bốn	
20	NGUYỄN CHÍ	TOÀN	Piano	Học lại	7.5	1.5	3.0 /	Ba	ĐH4

Huế, ngày 15 tháng 01 năm 2020

CB đọc điểm

Nguyễn Thị Hồng

CB dò điểm

Đặng Thị Thảo

CB nhập điểm

Trần Mạnh Hùng

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PTP. ĐIỀU HÀNH PHÒNG

Đặng Hùng Dũng



HỌC VIỆN ÂM NHẠC HUẾ
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCLGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
HỌC KỲ: I, NĂM HỌC 2019-2020
BẬC ĐẠI HỌC

Học phần: Xương âm 1

Lớp: Đại học 1 (ST, PT, Pi)

STT	HỌ	TÊN	Chuyên ngành	Ngày sinh	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	Guitare	21.01.00	8.0	5.0	6.0 /	Sáu	
2	TRẦN QUANG	LONG	Guitare	04.08.00	7.5	5.0	6.0 /	Sáu	
3	NGUYỄN VIỆT QUANG	MINH	Guitare	04.05.91	7.0	5.5	6.0 /	Sáu	
4	TRƯƠNG DUY	NHẬT	Guitare	12.04.96	7.0	7.0	7.0 /	Bảy	
5	TRẦN DUY	PHƯƠNG	Guitare	12.08.96			/		KĐT
6	NGUYỄN CÔNG	BINH	ino(nhạc n	15.07.00	9.0	9.0	9.0 /	Chín	
7	HOÀNG TRẦN	THỊNH	Piano	28.09.01	9.0	10.0	10.0 /	Mười	
8	HỒ NGỌC BẢO	UYÊN	Piano	13.03.01	7.0	8.5	8.0 /	Tám	
9	NGUYỄN KHOA TƯỜNG VÂN		Piano	04.08.01	8.5	8.5	9.0 /	Chín	
10	NGUYỄN QUANG	VINH	ino(nhạc n	30.01.01	7.5	7.5	8.0 /	Tám	
11	NGUYỄN NHẬT THẢO	VY	Piano	19.08.00	9.0	9.5	9.0 /	Chín	
12	NGUYỄN ĐÌNH NAM	Ý	Piano	23.04.00	9.0	9.0	9.0 /	Chín	
13	BÙI NGUYỄN QUANG	YÊN	Piano	22.02.94	8.0	8.5	8.0 /	Tám	
14	LÊ VĂN KHÁNH	HÙNG	Sáng tác	02.06.01	8.0	8.0	8.0 /	Tám	
15	TRẦN DƯƠNG THÁI	NGUYỄN	Sáng tác	21.09.01	8.5	8.0	8.0 /	Tám	
16	PHẠM TRUNG	THÀNH	Sáng tác	30.09.01	8.0	6.5	7.0 /	Bảy	
17	VÕ CÔNG	TÍN	Sáng tác	15.03.99	8.0	7.5	8.0 /	Tám	
18	NGUYỄN GIA	THỊNH	Sáng tác	26.09.96	8.0	7.0	7.0 /	Bảy	
19	NGUYỄN ANH	THƯ	Sáng tác	06.06.01	8.0	7.0	7.0 /	Bảy	

Huế, ngày 15 tháng 01 năm 2020

CB đọc điểm

Nguyễn Thị Hồng

CB dò điểm

Đặng Thị Thảo

CB nhập điểm

Trần Mạnh Hùng

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PTP. ĐIỀU HÀNH PHÒNG

Đặng Hùng Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
BẠC ĐẠI HỌC

Học phần: Hòa âm 1

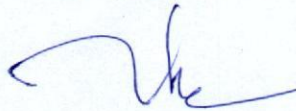
Lớp: Đại học 1 (TN, PT, Pi, TTDS)

STT	HỌ	TÊN	Chuyên ngành	Ngày sinh	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	NGUYỄN THỊ THÙY	TIÊN	Đàn bầu	05.10.01	5.5	8.5	8.0	Tám	
2	LÊ UYÊN	NHI	Đàn tranh	10.11.99					KĐT
3	NGUYỄN THÀNH	KIỆT	Nhã nhạc	06.09.00	7.0	6.0	6.0	Sáu	
4	NGÔ HỮU	TÂM	Nhã nhạc	12.11.99	7.0	6.0	6.0	Sáu	
5	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	Guitare	21.01.00	8.5	8.5	9.0	Chín	
6	TRẦN QUANG	LONG	Guitare	04.08.00	2.0	8.0	6.0	Sáu	
7	NGUYỄN VIỆT QUANG	MINH	Guitare	04.05.91	4.5	8.0	7.0	Bảy	
8	TRƯƠNG DUY	NHẬT	Guitare	12.04.96	6.5	7.5	7.0	Bảy	
9	TRẦN DUY	PHƯƠNG	Guitare	12.08.96					KĐT
10	NGUYỄN CÔNG	BINH	Piano(nhạc nhẹ)	15.07.00	9.0	9.0	9.0	Chín	
11	HOÀNG TRẦN	THỊNH	Piano	28.09.01	9.5	10.0	10.0	Mười	
12	HỒ NGỌC BẢO	UYÊN	Piano	13.03.01	5.5	3.5	4.0	Bốn	
13	NGUYỄN KHOA TUÔNG	VÂN	Piano	04.08.01	7.0	7.0	7.0	Bảy	
14	NGUYỄN QUANG	VINH	Piano(nhạc nhẹ)	30.01.01					KĐT
15	NGUYỄN NHẬT THẢO	VY	Piano	19.08.00	9.5	8.5	9.0	Chín	
16	NGUYỄN ĐÌNH NAM	Ý	Piano	23.04.00	9.0	9.0	9.0	Chín	
17	BÙI NGUYỄN QUANG	YÊN	Piano	22.02.94	7.5	8.0	8.0	Tám	
18	HOÀNG LAN	ANH	Thanh nhạc	27.03.01	7.5	8.5	8.0	Tám	
19	TRƯƠNG THỊ KIM	CHI	Thanh nhạc	29.08.01					KĐT
20	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	Thanh nhạc	23.05.99					KĐT
21	NGUYỄN THỊ NHẬT	HẠ	Thanh nhạc	27.05.01	8.0	8.5	8.0	Tám	
22	TRƯƠNG THỊ	HẰNG	Thanh nhạc	06.03.00	3.0	6.0	5.0	Năm	
23	NGUYỄN VĂN	HÓA	Thanh nhạc	02.07.99	8.0	7.0	7.0	Bảy	
24	ĐẶNG	HOÀNG	Thanh nhạc	25.05.98	8.5	8.0	8.0	Tám	
25	HUỲNH THỊ KHÁNH	LINH	Thanh nhạc	11.02.01	5.5	7.5	7.0	Bảy	
26	PHAN KHÁNH	LY	Thanh nhạc	28.04.01	6.5	7.0	7.0	Bảy	
27	BÙI THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	13.11.01	6.0	7.0	7.0	Bảy	

STT	HỌ	TÊN	Chuyên ngành	Ngày sinh	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
28	TRẦN THỊ THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	30.09.01					KẾT
29	BÙI THỊ KHÁNH	TÂN	Thanh nhạc	20.10.01	6.5	5.0	6.0	Sáu	
30	NGUYỄN ĐỨC	TOÁN	Thanh nhạc	23.05.00	9.5	8.5	9.0	Chín	
31	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH		Thanh nhạc	21.09.01	6.0	v	#####		Vắng thi
32	HOÀNG VĂN	TRƯỜNG	Thanh nhạc	17.06.01	6.5	8.5	8.0	Tám	
33	THÁI TỊNH	VÂN	Thanh nhạc	24.04.00	6.0	7.5	7.0	Bảy	

Huế, ngày 15 tháng 01 năm 2020

CB đọc điểm



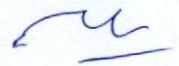
Nguyễn Thị Hồng

CB dò điểm



Đặng Thị Thảo

CB nhập điểm



Trần Mạnh Hùng

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PTP. ĐIỀU HÀNH PHÒNG



Đặng Hùng Dũng





HỌC VIỆN ÂM NHẠC HUẾ
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCLGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
BẠC ĐẠI HỌC

Học phần: Hòa âm

Lớp: Đại học 1 (Sáng tác)

STT	HỌ	TÊN	Chuyên ngành	Ngày sinh	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	LÊ VĂN KHÁNH	HƯNG	Sáng tác	02.06.01	8.5	8.5	9.0	Chín	
2	TRẦN DƯƠNG THÁI	NGUYỄN	Sáng tác	21.09.01	8.5	8.5	9.0	Chín	
3	PHẠM TRUNG	THÀNH	Sáng tác	30.09.01	9.0	8.0	8.0	Tám	
4	VÕ CÔNG	TÍN	Sáng tác	15.03.99	8.5	9.0	9.0	Chín	
5	NGUYỄN GIA	THỊNH	Sáng tác	26.09.96	8.0	8.5	8.0	Tám	
6	NGUYỄN ANH	THƯ	Sáng tác	06.06.01	8.5	8.0	8.0	Tám	

Huế, ngày 15 tháng 04 năm 2020

CB đọc điểm

Nguyễn Thị Hồng

CB dò điểm

Đặng Thị Thảo

CB nhập điểm

Trần Mạnh Hùng

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PTP. ĐIỀU HÀNH PHÒNG

Đặng Hùng Dũng



HỌC VIỆN ÂM NHẠC HUẾ
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCLGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
BẠC ĐẠI HỌC

Học phần: Tính năng nhạc cụ

Lớp: Đại học 1 (Sáng tác)

STT	HỌ	TÊN	Chuyên ngành	Ngày sinh	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	LÊ VĂN KHÁNH	HÙNG	Sáng tác	02.06.01	8.5	9.5	9.0	Chín	
2	TRẦN DƯƠNG THÁI	NGUYỄN	Sáng tác	21.09.01	8.5	9.5	9.0	Chín	
3	PHẠM TRUNG	THÀNH	Sáng tác	30.09.01	8.0	9.0	9.0	Chín	
4	VÕ CÔNG	TÍN	Sáng tác	15.03.99	5.5	9.0	8.0	Tám	
5	NGUYỄN GIA	THỊNH	Sáng tác	26.09.96	8.5	9.5	9.0	Chín	
6	NGUYỄN ANH	THU	Sáng tác	06.06.01	8.5	9.5	9.0	Chín	

Huế, ngày 15 tháng 04 năm 2020

CB đọc điểm

Nguyễn Thị Hồng

CB dò điểm

Đặng Thị Thảo

CB nhập điểm

Trần Mạnh Hùng

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PTP. ĐIỀU HÀNH PHÒNG

Đặng Hùng Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
BẠC ĐẠI HỌC

Học phần: Lịch sử âm nhạc phương Tây

Lớp: Đại học 1

STT	HỌ	TÊN	Chuyên ngành	Ngày sinh	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	NGUYỄN THỊ THÙY	TIÊN	Đàn bầu	05.10.01	8.0	7.5	8.0	Tám	
2	LÊ UYÊN	NHI	Đàn tranh	10.11.99	8.0	8.0	8.0	Tám	
3	NGUYỄN THÀNH	KIỆT	Nhã nhạc	06.09.00	8.0	8.0	8.0	Tám	
4	NGÔ HỮU	TÂM	Nhã nhạc	12.11.99	7.5	7.0	7.0	Bảy	
5	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	Guitare	21.01.00	8.5	9.0	9.0	Chín	
6	TRẦN QUANG	LONG	Guitare	04.08.00	7.0	6.5	8.0	Tám	
7	NGUYỄN VIỆT QUANG	MINH	Guitare	04.05.91	7.5	6.0	7.0	Bảy	
8	TRƯƠNG DUY	NHẬT	Guitare	12.04.96	7.5	7.0	7.0	Bảy	
9	TRẦN DUY	PHƯƠNG	Guitare	12.08.96					KĐT
10	NGUYỄN CÔNG	BINH	Piano(nhạc nhẹ)	15.07.00	9.0	7.5	8.0	Tám	
11	HOÀNG TRẦN	THỊNH	Piano	28.09.01	8.5	9.0	9.0	Chín	
12	HỒ NGỌC BẢO	UYÊN	Piano	13.03.01	7.5	6.5	7.0	Bảy	
13	NGUYỄN KHOA TƯỜNG	VÂN	Piano	04.08.01	8.5	6.5	7.0	Bảy	
14	NGUYỄN QUANG	VINH	Piano(nhạc nhẹ)	30.01.01	7.5	7.0	7.0	Bảy	
15	NGUYỄN NHẬT THẢO	VY	Piano	19.08.00	8.5	9.5	9.0	Chín	
16	NGUYỄN ĐÌNH NAM	Ý	Piano	23.04.00	8.5	8.5	9.0	Chín	
17	BÙI NGUYỄN QUANG	YÊN	Piano	22.02.94	7.5	9.0	9.0	Chín	
18	LÊ VĂN KHÁNH	HƯNG	Sáng tác	02.06.01	8.5	9.5	9.0	Chín	
19	TRẦN DƯƠNG THÁI	NGUYỄN	Sáng tác	21.09.01	8.5	9.5	9.0	Chín	
20	PHẠM TRUNG	THÀNH	Sáng tác	30.09.01	8.0	7.5	8.0	Tám	
21	VÕ CÔNG	TÍN	Sáng tác	15.03.99	8.0	7.5	8.0	Tám	
22	NGUYỄN GIA	THỊNH	Sáng tác	26.09.96	7.5	7.5	8.0	Tám	
23	NGUYỄN ANH	THU	Sáng tác	06.06.01	7.5	8.0	8.0	Tám	
24	HOÀNG LAN	ANH	Thanh nhạc	27.03.01	7.5	8.0	8.0	Tám	
25	TRƯƠNG THỊ KIM	CHI	Thanh nhạc	29.08.01	7.0	8.0	8.0	Tám	
26	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	Thanh nhạc	23.05.99	8.5	8.0	8.0	Tám	
27	NGUYỄN THỊ NHẬT	HẠ	Thanh nhạc	27.05.01	8.5	6.5	7.0	Bảy	

STT	HỌ	TÊN	Chuyên ngành	Ngày sinh	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
28	TRƯƠNG THỊ	HẰNG	Thanh nhạc	06.03.00	7.5	6.5	7.0 ✓	Bảy	
29	NGUYỄN VĂN	HÓA	Thanh nhạc	02.07.99	7.5	6.5	7.0 ✓	Bảy	
30	ĐẶNG	HOÀNG	Thanh nhạc	25.05.98	7.5	6.0	7.0 ✓	Bảy	
31	HUỲNH THỊ KHÁNH	LINH	Thanh nhạc	11.02.01	8.0	6.5	7.0 ✓	Bảy	
32	PHAN KHÁNH	LY	Thanh nhạc	28.04.01	8.0	6.5	7.0 ✓	Bảy	
33	BÙI THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	13.11.01	7.5	6.5	7.0 ✓	Bảy	
34	TRẦN THỊ THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	30.09.01	8.0	6.5	7.0 ✓	Bảy	
35	BÙI THỊ KHÁNH	TÂN	Thanh nhạc	20.10.01	7.5	6.5	7.0 ✓	Bảy	
36	NGUYỄN ĐỨC	TOÁN	Thanh nhạc	23.05.00	8.5	8.0	8.0 ✓	Tám	
37	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	Thanh nhạc	21.09.01					KẾT
38	HOÀNG VĂN	TRƯỜNG	Thanh nhạc	17.06.01	7.5	8.5	8.0 ✓	Tám	
39	THÁI TỊNH	VÂN	Thanh nhạc	24.04.00	8.0	8.0	8.0 ✓	Tám	
40	PHAN CẢNH	NHẬT	ĐH4	Học lại	8.0	6.5	7.0 ✓	Bảy	Học lại
41	NGÔ HỮU NHẬT	THÀNH	ĐH4	Học lại	8.5	6.0	7.0 ✓	Bảy	Học lại
42	TRƯƠNG THỊ	HẠNH	ĐH4	Học lại	8.5	7.0	8.0 ✓	Tám	Học lại

Huế, ngày 15 tháng 01 năm 2020

CB đọc điểm

Nguyễn Thị Hồng

CB dò điểm

Đặng Thị Thảo

CB nhập điểm

Trần Mạnh Hùng

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PTP. ĐIỀU HÀNH PHÒNG

Đặng Hùng Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
BẠC ĐẠI HỌC

Học phần: Nguyên lý Mác-Lê Nin 1

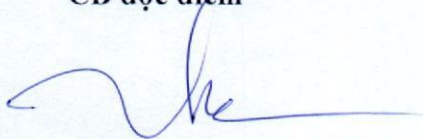
Lớp: Đại học 1

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	Đàn bầu	05.10.01	8.7	6.0	7.0	Bảy	
2	LÊ UYÊN	NHI	Đàn tranh	10.11.99	7.7	5.5	6.0	Sáu	
3	NGUYỄN THÀNH	KIỆT	Nhã nhạc	06.09.00	7.7	7.0	7.0	Bảy	
4	NGÔ HỮU	TÂM	Nhã nhạc	12.11.99	7.3	7.0	7.0	Bảy	
5	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	Guitare	21.01.00	6.7	7.5	7.0	Bảy	
6	TRẦN QUANG	LONG	Guitare	04.08.00	6.7	7.0	7.0	Bảy	
7	NGUYỄN VIỆT QUANG	MINH	Guitare	04.05.91	7.7	6.0	7.0	Bảy	
8	TRƯƠNG DUY	NHẬT	Guitare	12.04.96	7.7	6.0	7.0	Bảy	
9	TRẦN DUY	PHƯƠNG	Guitare	12.08.96	5.3	v	#####		Vắng thi
10	NGUYỄN CÔNG	BINH	Pi (nhạc nhẹ)	15.07.00	6.8	7.0	7.0	Bảy	
11	HOÀNG TRẦN	THỊNH	Piano	28.09.01	8.3	7.5	8.0	Tám	
12	HỒ NGỌC BẢO	UYÊN	Piano	13.03.01	7.0	6.0	6.0	Sáu	
13	NGUYỄN KHOA TƯỜNG	VÂN	Piano	04.08.01	8.5	7.5	8.0	Tám	
14	NGUYỄN QUANG	VINH	Pi (nhạc nhẹ)	30.01.01	6.3	7.0	7.0	Bảy	
15	NGUYỄN NHẬT THẢO	VY	Piano	19.08.00	8.5	8.0	8.0	Tám	
16	NGUYỄN ĐÌNH NAM	Ý	Piano	23.04.00	8.0	7.0	7.0	Bảy	
17	BÙI NGUYỄN QUANG	YÊN	Piano	22.02.94	6.2	7.0	7.0	Bảy	
18	LÊ VĂN KHÁNH	HƯNG	Sáng tác	02.06.01	8.7	7.0	8.0	Tám	
19	TRẦN DƯƠNG THÁI	NGUYỄN	Sáng tác	21.09.01	8.5	7.5	8.0	Tám	
20	PHẠM TRUNG	THÀNH	Sáng tác	30.09.01	8.7	7.0	8.0	Tám	
21	VÕ CÔNG	TÍN	Sáng tác	15.03.99	7.7	6.0	7.0	Bảy	
22	NGUYỄN GIA	THỊNH	Sáng tác	26.09.96	7.3	7.0	7.0	Bảy	
23	NGUYỄN ANH	THU	Sáng tác	06.06.01	7.3	5.0	6.0	Sáu	
24	HOÀNG LAN	ANH	Thanh nhạc	27.03.01	8.7	7.0	8.0	Tám	
25	TRƯƠNG THỊ KIM	CHI	Thanh nhạc	29.08.01	8.7	7.0	8.0	Tám	
26	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	Thanh nhạc	23.05.99	7.8	7.0	7.0	Bảy	
27	NGUYỄN THỊ NHẬT	HẠ	Thanh nhạc	27.05.01	7.7	7.0	7.0	Bảy	

28	TRƯƠNG THỊ	HÀNG	Thanh nhạc	06.03.00	7.5	6.0	7.0	Bảy	
29	NGUYỄN VĂN	HÓA	Thanh nhạc	02.07.99	8.0	6.0	7.0	Bảy	
30	ĐẶNG	HOÀNG	Thanh nhạc	25.05.98	7.7	4.5	6.0	Sáu	
31	HUỲNH THỊ KHÁNH	LINH	Thanh nhạc	11.02.01	8.7	7.0	8.0	Tám	
32	PHAN KHÁNH	LY	Thanh nhạc	28.04.01	6.7	7.0	7.0	Bảy	
33	BÙI THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	13.11.01	8.3	7.0	7.0	Bảy	
34	TRẦN THỊ THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	30.09.01	7.0	5.5	6.0	Sáu	
35	BÙI THỊ KHÁNH	TÂN	Thanh nhạc	20.10.01	8.7	6.0	7.0	Bảy	
36	NGUYỄN ĐỨC	TOÁN	Thanh nhạc	23.05.00	8.0	7.5	8.0	Tám	
37	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	Thanh nhạc	21.09.01	8.5	v	#####		Vắng thi
38	HOÀNG VĂN	TRƯỜNG	Thanh nhạc	17.06.01	7.7	7.0	7.0	Bảy	
39	THÁI TỊNH	VÂN	Thanh nhạc	24.04.00	8.7	6.0	7.0	Bảy	

Huế, ngày 15 tháng 01 năm 2020

CB đọc điểm



Nguyễn Thị Hồng

CB dò điểm



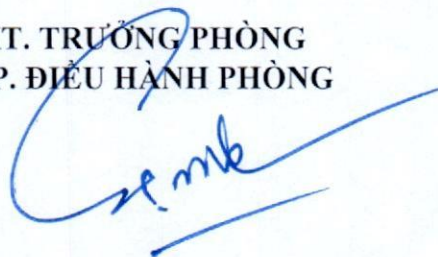
Đặng Thị Thảo

CB nhập điểm



Trần Mạnh Hùng

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PTP. ĐIỀU HÀNH PHÒNG



Đặng Hùng Dũng





HỌC VIỆN ÂM NHẠC HUẾ
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCLGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
BẠC ĐẠI HỌC

Học phần: Tiếng Việt

Lớp: Đại học 1

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	<i>Đàn bầu</i>	05.10.01	8.0	6.5	7.0	Bảy	
2	LÊ UYÊN	NHI	<i>Đàn tranh</i>	10.11.99	7.3	7.0	7.0	Bảy	
3	NGUYỄN THÀNH	KIỆT	<i>Nhã nhạc</i>	06.09.00	9.0	5.5	7.0	Bảy	
4	NGÔ HỮU	TÂM	<i>Nhã nhạc</i>	12.11.99	7.0	5.5	6.0	Sáu	
5	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	<i>Guitare</i>	21.01.00	8.0	7.0	7.0	Bảy	
6	TRẦN QUANG	LONG	<i>Guitare</i>	04.08.00	6.3	7.0	7.0	Bảy	
7	NGUYỄN VIỆT QUANG	MINH	<i>Guitare</i>	04.05.91	8.7	5.0	6.0	Sáu	
8	TRƯƠNG DUY	NHẬT	<i>Guitare</i>	12.04.96	6.0	6.0	6.0	Sáu	
9	TRẦN DUY	PHƯƠNG	<i>Guitare</i>	12.08.96					KĐT
10	NGUYỄN CÔNG	BINH	<i>Pi (NN)</i>	15.07.00	7.7	7.0	7.0	Bảy	
11	HOÀNG TRẦN	THỊNH	<i>Piano</i>	28.09.01	10.0	6.0	7.0	Bảy	
12	HỒ NGỌC BẢO	UYÊN	<i>Piano</i>	13.03.01	3.3	6.5	6.0	Sáu	
13	NGUYỄN KHOA TUỜNG	VÂN	<i>Piano</i>	04.08.01	6.7	5.0	6.0	Sáu	
14	NGUYỄN QUANG	VINH	<i>Pi (nhạc nhẹ)</i>	30.01.01	2.0	5.0	4.0	Bốn	
15	NGUYỄN NHẬT THẢO	VY	<i>Piano</i>	19.08.00	10.0	7.0	8.0	Tám	
16	NGUYỄN ĐÌNH NAM	Ý	<i>Piano</i>	23.04.00	6.3	6.0	6.0	Sáu	
	BÙI NGUYỄN QUANG	YÊN	<i>Piano</i>	22.02.94	7.7	6.5	7.0	Bảy	
18	LÊ VĂN KHÁNH	HƯNG	<i>Sáng tác</i>	02.06.01	10.0	6.5	8.0	Tám	
19	TRẦN DƯƠNG THÁI	NGUYỄN	<i>Sáng tác</i>	21.09.01	10.0	6.0	7.0	Bảy	
20	PHẠM TRUNG	THÀNH	<i>Sáng tác</i>	30.09.01	10.0	6.5	8.0	Tám	
21	VÕ CÔNG	TÍN	<i>Sáng tác</i>	15.03.99	7.3	7.0	7.0	Bảy	
22	NGUYỄN GIA	THỊNH	<i>Sáng tác</i>	26.09.96	5.3	6.5	6.0	Sáu	
23	NGUYỄN ANH	THU	<i>Sáng tác</i>	06.06.01	6.7	7.0	7.0	Bảy	
24	HOÀNG LAN	ANH	<i>Thanh nhạc</i>	27.03.01	9.0	7.0	8.0	Tám	
25	TRƯƠNG THỊ KIM	CHI	<i>Thanh nhạc</i>	29.08.01	6.0	7.0	7.0	Bảy	
26	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	<i>Thanh nhạc</i>	23.05.99	7.7	7.5	8.0	Tám	
27	NGUYỄN THỊ NHẬT	HẠ	<i>Thanh nhạc</i>	27.05.01	7.0	7.0	7.0	Bảy	

28	TRƯƠNG THỊ HẰNG	Thanh nhạc	06.03.00	6.3	7.0	7.0	Bảy	
29	NGUYỄN VĂN HÓA	Thanh nhạc	02.07.99	7.0	7.0	7.0	Bảy	
30	ĐẶNG HOÀNG	Thanh nhạc	25.05.98	2.7	v			Vắng thi
31	HUỖNH THỊ KHÁNH	Thanh nhạc	11.02.01	8.0	6.0	7.0	Bảy	
32	PHAN KHÁNH LY	Thanh nhạc	28.04.01	9.3	7.5	8.0	Tám	
33	BÙI THU PHƯƠNG	Thanh nhạc	13.11.01	7.0	6.5	7.0	Bảy	
34	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	Thanh nhạc	30.09.01	4.7	7.5	7.0	Bảy	
35	BÙI THỊ KHÁNH TÂN	Thanh nhạc	20.10.01	6.7	6.5	7.0	Bảy	
36	NGUYỄN ĐỨC TOÁN	Thanh nhạc	23.05.00	7.3	7.0	7.0	Bảy	
37	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH	Thanh nhạc	21.09.01	2.3	v			Vắng thi
38	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	Thanh nhạc	17.06.01	9.0	6.5	7.0	Bảy	
39	THÁI TỊNH VÂN	Thanh nhạc	24.04.00	6.3	7.0	7.0	Bảy	

Huế, ngày 15 tháng 01 năm 2020

CB đọc điểm

Nguyễn Thị Hồng

CB dò điểm

Đặng Thị Thảo

CB nhập điểm

Trần Mạnh Hùng

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PTP. ĐIỀU HÀNH PHÒNG

Đặng Hùng Dũng

VIỆT
HÀ
JÊ



HỌC VIỆN AM NHẠC HUẾ
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCLGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
BẠC ĐẠI HỌC

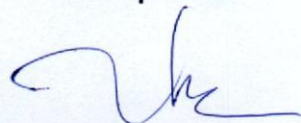
Học phần: Giáo dục học đại cương
Lớp: Đại học 1

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM HỌC PHẦN		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	NGUYỄN THỊ THỦY	TIỀN	Đàn bầu	05.10.01	7.7	4.0	5.0	Năm	
2	LÊ UYÊN	NHI	Đàn tranh	10.11.99	7.7	5.0	6.0	Sáu	
3	NGUYỄN THÀNH	KIỆT	Nhã nhạc	06.09.00	6.7	7.0	7.0	Bảy	
4	NGÔ HỮU	TÂM	Nhã nhạc	12.11.99	6.7	7.0	7.0	Bảy	
5	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	Guitare	21.01.00	8.3	7.5	8.0	Tám	
6	TRẦN QUANG	LONG	Guitare	04.08.00	7.3	5.5	6.0	Sáu	
7	NGUYỄN VIỆT QUANG	MINH	Guitare	04.05.91	8.0	6.0	7.0	Bảy	
8	TRƯƠNG DUY	NHẬT	Guitare	12.04.96	6.7	5.0	6.0	Sáu	
9	TRẦN DUY	PHƯƠNG	Guitare	12.08.96	5.3				Vắng thi
10	NGUYỄN CÔNG	BINH	Pi (nhạc nhẹ)	15.07.00	8.3	5.0	6.0	Sáu	
11	HOÀNG TRẦN	THỊNH	Piano	28.09.01	8.0	7.0	7.0	Bảy	
12	HỒ NGỌC BẢO	UYÊN	Piano	13.03.01	7.3	3.0	4.0	Bốn	
13	NGUYỄN KHOA TƯỜNG	VÂN	Piano	04.08.01	7.7	3.0	4.0	Bốn	
14	NGUYỄN QUANG	VINH	Pi (nhạc nhẹ)	30.01.01	6.3	5.0	5.0	Năm	
15	NGUYỄN NHẬT THẢO	VY	Piano	19.08.00	8.0	6.0	7.0	Bảy	
16	NGUYỄN ĐÌNH NAM	Ý	Piano	23.04.00	7.7	4.0	5.0	Năm	
17	BÙI NGUYỄN QUANG	YÊN	Piano	22.02.94	8.0	5.0	6.0	Sáu	
18	LÊ VĂN KHÁNH	HÙNG	Sáng tác	02.06.01	7.7	5.0	6.0	Sáu	
19	TRẦN DƯƠNG THÁI	NGUYỄN	Sáng tác	21.09.01	8.0	5.0	6.0	Sáu	
20	PHẠM TRUNG	THÀNH	Sáng tác	30.09.01	7.0	4.0	5.0	Năm	
21	VÕ CÔNG	TÍN	Sáng tác	15.03.99	6.3	5.0	5.0	Năm	
22	NGUYỄN GIA	THỊNH	Sáng tác	26.09.96	8.0	7.0	7.0	Bảy	
23	NGUYỄN ANH	THƯ	Sáng tác	06.06.01	7.7	6.0	7.0	Bảy	
24	HOÀNG LAN	ANH	Thanh nhạc	27.03.01	7.7	6.0	7.0	Bảy	
25	TRƯƠNG THỊ KIM	CHI	Thanh nhạc	29.08.01	7.0	5.0	6.0	Sáu	
26	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	Thanh nhạc	23.05.99	8.2	4.0	5.0	Năm	
27	NGUYỄN THỊ NHẬT	HẠ	Thanh nhạc	27.05.01	8.0	7.5	8.0	Tám	

28	TRƯƠNG THỊ	HÀNG	Thanh nhạc	06.03.00	7.3	6.0	6.0 ✓	Sáu	
29	NGUYỄN VĂN	HÓA	Thanh nhạc	02.07.99	7.0	5.0	6.0 ✓	Sáu	
30	ĐẶNG	HOÀNG	Thanh nhạc	25.05.98	8.3	2.5	4.0 ✓	Bốn	
31	HUỲNH THỊ KHÁNH	LINH	Thanh nhạc	11.02.01	8.0	5.0	6.0 ✓	Sáu	
32	PHAN KHÁNH	LY	Thanh nhạc	28.04.01	8.3	6.0	7.0 ✓	Bảy	
33	BÙI THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	13.11.01	8.2	5.0	6.0 ✓	Sáu	
34	TRẦN THỊ THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	30.09.01	7.7	6.5	7.0 ✓	Bảy	
35	BÙI THỊ KHÁNH	TÂN	Thanh nhạc	20.10.01	7.5	5.5	6.0 ✓	Sáu	
36	NGUYỄN ĐỨC	TOÁN	Thanh nhạc	23.05.00	8.3	6.5	7.0 ✓	Bảy	
37	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	Thanh nhạc	21.09.01	7.0	5.5	6.0 ✓	Sáu	
38	HOÀNG VĂN	TRƯỜNG	Thanh nhạc	17.06.01	8.3	5.5	6.0 ✓	Sáu	
39	THÁI TỊNH	VÂN	Thanh nhạc	24.04.00	8.3	6.5	7.0 ✓	Bảy	

Huế, ngày 15 tháng 01 năm 2020

CB đọc điểm



Nguyễn Thị Hồng

CB dò điểm



Đặng Thị Thảo

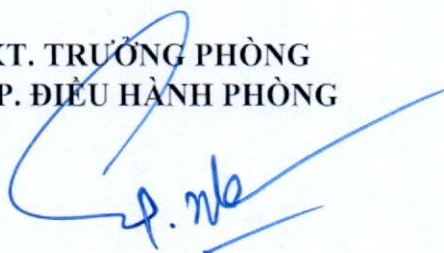
CB nhập điểm



Trần Mạnh Hùng



KT. TRƯỞNG PHÒNG
PTP. ĐIỀU HÀNH PHÒNG



Đặng Hùng Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
BẠC ĐẠI HỌC

Học phần: Anh văn 1 (Nghe, đọc, viết, nói)

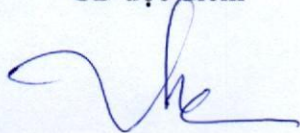
Lớp: Đại học 1

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	NGUYỄN THỊ THÙY	TIÊN	Đàn bầu	05.10.01	9.0	8.1	8.0 ✓	Tám	
2	LÊ UYÊN	NHI	Đàn tranh	10.11.99	8.7	4.8	6.0 ✓	Sáu	
3	NGUYỄN THÀNH	KIỆT	Nhã nhạc	06.09.00	9.0	8.4	9.0 ✓	Chín	
4	NGÔ HỮU	TÂM	Nhã nhạc	12.11.99	8.3	8.4	8.0 ✓	Tám	
5	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	Guitare	21.01.00	8.7	9.0	9.0 ✓	Chín	
6	TRẦN QUANG	LONG	Guitare	04.08.00	8.0	5.7	6.0 ✓	Sáu	
7	NGUYỄN VIỆT QUANG	MINH	Guitare	04.05.91	8.7	6.6	7.0 ✓	Bảy	
8	TRƯƠNG DUY	NHẬT	Guitare	12.04.96	8.7	9.3	9.0 ✓	Chín	
9	TRẦN DUY	PHƯƠNG	Guitare	12.08.96	2.0				KẾT
10	NGUYỄN CÔNG	BINH	Pi (nhạc nhẹ)	15.07.00	9.0	5.1	6.0 ✓	Sáu	
11	HOÀNG TRẦN	THỊNH	Piano	28.09.01	8.7	8.9	9.0 ✓	Chín	
12	HỒ NGỌC BẢO	UYÊN	Piano	13.03.01	9.3	7.0	8.0 ✓	Tám	
13	NGUYỄN KHOA TƯỜNG	VÂN	Piano	04.08.01	8.0	7.9	8.0 ✓	Tám	
14	NGUYỄN QUANG	VINH	Pi (nhạc nhẹ)	30.01.01	8.0	4.5	6.0 ✓	Sáu	
15	NGUYỄN NHẬT THẢO	VY	Piano	19.08.00	9.0	9.1	9.0 ✓	Chín	
16	NGUYỄN ĐÌNH NAM	Ý	Piano	23.04.00	8.0	8.6	8.0 ✓	Tám	
17	BÙI NGUYỄN QUANG	YÊN	Piano	22.02.94	8.0	8.8	9.0 ✓	Chín	
18	LÊ VĂN KHÁNH	HƯNG	Sáng tác	02.06.01	9.0	7.0	8.0 ✓	Tám	
19	TRẦN DƯƠNG THÁI	NGUYỄN	Sáng tác	21.09.01	9.0	5.9	7.0 ✓	Bảy	
20	PHẠM TRUNG	THÀNH	Sáng tác	30.09.01	8.0	5.0	6.0 ✓	Sáu	
21	VÕ CÔNG	TÍN	Sáng tác	15.03.99	7.3	5.9	6.0 ✓	Sáu	
22	NGUYỄN GIA	THỊNH	Sáng tác	26.09.96	8.0	6.2	7.0 ✓	Bảy	
23	NGUYỄN ANH	THƯ	Sáng tác	06.06.01	9.0	7.1	8.0 ✓	Tám	
24	HOÀNG LAN	ANH	Thanh nhạc	27.03.01	8.7	7.6	8.0 ✓	Tám	
25	TRƯƠNG THỊ KIM	CHI	Thanh nhạc	29.08.01	8.7	8.0	8.0 ✓	Tám	
26	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	Thanh nhạc	23.05.99	8.7	7.6	8.0 ✓	Tám	
27	NGUYỄN THỊ NHẬT	HẠ	Thanh nhạc	27.05.01	8.7	7.7	8.0 ✓	Tám	

28	TRƯƠNG THỊ	HÀNG	Thanh nhạc	06.03.00	8.7	7.7	8.0	Tám	
29	NGUYỄN VĂN	HÓA	Thanh nhạc	02.07.99	8.3	6.4	7.0	Bảy	
30	ĐẶNG	HOÀNG	Thanh nhạc	25.05.98	8.7	8.2	8.0	Tám	
31	HUỖNH THỊ KHÁNH	LINH	Thanh nhạc	11.02.01	8.3	7.8	8.0	Tám	
32	PHAN KHÁNH	LY	Thanh nhạc	28.04.01	8.3	7.4	8.0	Tám	
33	BÙI THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	13.11.01	8.3	8.4	8.0	Tám	
34	TRẦN THỊ THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	30.09.01	7.7	7.2	7.0	Bảy	
35	BÙI THỊ KHÁNH	TÂN	Thanh nhạc	20.10.01	8.0	8.2	8.0	Tám	
36	NGUYỄN ĐỨC	TOÁN	Thanh nhạc	23.05.00	8.3	8.3	8.0	Tám	
37	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	Thanh nhạc	21.09.01	8.7	v			Vắng thi
38	HOÀNG VĂN	TRƯỜNG	Thanh nhạc	17.06.01	8.3	7.1	8.0	Tám	
39	THÁI TỊNH	VÂN	Thanh nhạc	24.04.00	8.7	7.6	8.0	Tám	

Huế, ngày 15 tháng 01 năm 2020

CB đọc điểm



Nguyễn Thị Hồng

CB dò điểm



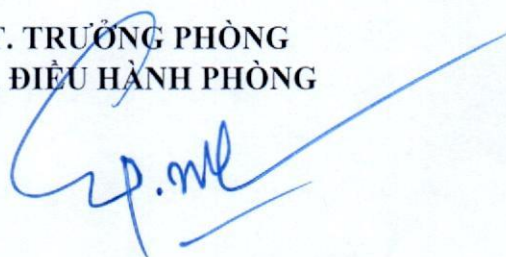
Đặng Thị Thảo

CB nhập điểm



Trần Mạnh Hùng

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PTP. ĐIỀU HÀNH PHÒNG



Đặng Hùng Dũng





BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
BẠC ĐẠI HỌC

Học phần: Giáo dục thể chất
Lớp: Đại học 1

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm QT (Hệ số 3)	Điểm thi (Hệ số 7)	ĐIỂM		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	NGUYỄN THỊ THÚY	TIỀN	Đàn bầu	05.10.01	7.3	7.0	7.0	Bảy	
2	LÊ UYÊN	NHI	Đàn tranh	10.11.99	5.0	6.0	6.0	Sáu	
3	NGUYỄN THÀNH	KIỆT	Nhã nhạc	06.09.00	7.3	5.0	6.0	Sáu	
4	NGÔ HỮU	TÂM	Nhã nhạc	12.11.99	10.0	9.0	9.0	Chín	
5	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	Guitare	21.01.00	7.7	6.0	7.0	Bảy	
6	TRẦN QUANG	LONG	Guitare	04.08.00	5.7	5.0	5.0	Năm	
7	NGUYỄN VIỆT QUANG	MINH	Guitare	04.05.91	6.0	8.0	7.0	Bảy	
8	TRƯƠNG DUY	NHẬT	Guitare	12.04.96	7.7	8.0	8.0	Tám	
9	TRẦN DUY	PHƯƠNG	Guitare	12.08.96					KĐT
10	NGUYỄN CÔNG	BINH	Pi (nhạc nhẹ)	15.07.00	9.0	8.5	9.0	Chín	
11	HOÀNG TRẦN	THỊNH	Piano	28.09.01	6.3	8.0	8.0	Tám	
12	HỒ NGỌC BẢO	UYÊN	Piano	13.03.01					KĐT
13	NGUYỄN KHOA TƯỜNG	VÂN	Piano	04.08.01	5.7	6.5	6.0	Sáu	
14	NGUYỄN QUANG	VINH	Pi (nhạc nhẹ)	30.01.01	5.0	4.0	4.0	Bốn	
15	NGUYỄN NHẬT THẢO	VY	Piano	19.08.00	7.7	6.5	7.0	Bảy	
16	NGUYỄN ĐÌNH NAM	Ý	Piano	23.04.00	7.0	8.0	8.0	Tám	
17	BÙI NGUYỄN QUANG	YÊN	Piano	22.02.94	5.7	8.0	7.0	Bảy	
18	LÊ VĂN KHÁNH	HƯNG	Sáng tác	02.06.01	8.0	9.0	8.0	Tám	
19	TRẦN DƯƠNG THÁI	NGUYỄN	Sáng tác	21.09.01	8.0	9.0	8.0	Tám	
20	PHẠM TRUNG	THÀNH	Sáng tác	30.09.01	7.7	8.0	8.0	Tám	
21	VÕ CÔNG	TÍN	Sáng tác	15.03.99	5.3	7.0	7.0	Bảy	
22	NGUYỄN GIA	THỊNH	Sáng tác	26.09.96	7.0	9.0	8.0	Tám	
23	NGUYỄN ANH	THƯ	Sáng tác	06.06.01	8.0	7.0	7.0	Bảy	
24	HOÀNG LAN	ANH	Thanh nhạc	27.03.01	7.0	7.0	7.0	Bảy	
25	TRƯƠNG THỊ KIM	CHI	Thanh nhạc	29.08.01	5.7	8.0	7.0	Bảy	
26	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	Thanh nhạc	23.05.99	6.3	5.0	5.0	Năm	
27	NGUYỄN THỊ NHẬT	HẠ	Thanh nhạc	27.05.01	8.0	8.0	8.0	Tám	

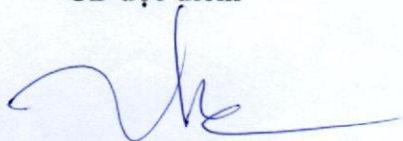
28	TRƯƠNG THỊ	HÀNG	Thanh nhạc	06.03.00	7.0	7.0	7.0	Bảy	
29	NGUYỄN VĂN	HÓA	Thanh nhạc	02.07.99	9.3	9.0	9.0	Chín	
30	ĐẶNG	HOÀNG	Thanh nhạc	25.05.98					KĐT
31	HUỖNH THỊ KHÁNH	LINH	Thanh nhạc	11.02.01	4.7	6.0	6.0	Sáu	
32	PHAN KHÁNH	LY	Thanh nhạc	28.04.01	7.7	6.5	7.0	Bảy	
33	BÙI THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	13.11.01	4.7	5.5	5.0	Năm	
34	TRẦN THỊ THU	PHƯƠNG	Thanh nhạc	30.09.01	6.7	9.0	8.0	Tám	
35	BÙI THỊ KHÁNH	TÂN	Thanh nhạc	20.10.01	8.7	9.0	9.0	Chín	
36	NGUYỄN ĐỨC	TOÁN	Thanh nhạc	23.05.00	8.3	9.0	9.0	Chín	
37	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	Thanh nhạc	21.09.01	5.7	v	#####		Vắng thi
38	HOÀNG VĂN	TRƯỜNG	Thanh nhạc	17.06.01	8.7	8.0	8.0	Tám	
39	THÁI TỊNH	VÂN	Thanh nhạc	24.04.00	5.7	7.5	7.0	Bảy	

Huế, ngày 15 tháng 04 năm 2020

CB đọc điểm

CB dò điểm

CB nhập điểm



Nguyễn Thị Hồng

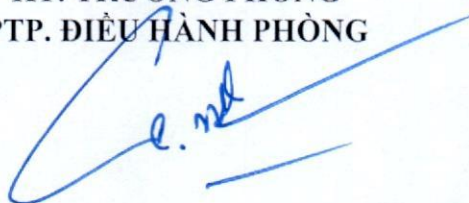


Đặng Thị Thảo



Trần Mạnh Hùng

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PTP. ĐIỀU HÀNH PHÒNG



Đặng Hùng Dũng

